

Số: 1880 /QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về tuyển dụng viên chức

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức được ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 1403/QĐ-BNN-TCCB ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về tuyển dụng viên chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy định về tuyển dụng viên chức được ban hành kèm theo Quyết định số 1580/QĐ-NNH ngày



08 tháng 8 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam).

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng Ban Tổ chức cán bộ, Trưởng Ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT (để b/c);
- Lưu: VT,TC,LT(7).



Trần Đức Viên

QUY ĐỊNH

Về tuyển dụng viên chức

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1880 /QĐ-HVN ngày 26 tháng 8 năm 2014
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

Điều 1. Điều kiện của người đăng ký dự tuyển

1. Là người mang quốc tịch Việt Nam, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam.
2. Có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ của chức danh dự tuyển.
3. Tuổi đời dự tuyển từ đủ 18 đến dưới 45 tuổi.
4. Có đơn đăng ký dự tuyển.
5. Có lý lịch rõ ràng.
6. Có đủ sức khoẻ để đảm nhận nhiệm vụ.
7. Người đăng ký dự tuyển phải làm hồ sơ dự tuyển nộp cho Hội đồng Tuyển dụng viên chức Học viện (qua Ban Tổ chức cán bộ) theo quy định.
8. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển:
 - a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.
9. Quy định thêm đối với người đăng ký dự tuyển chức danh giảng viên:
 - a) Tốt nghiệp đại học hệ chính quy (không áp dụng đối với các hình thức đào tạo liên thông) của các trường công lập trong nước hoặc các trường đại học có uy tín ở các nước có nền giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ phát triển có ngành/chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực cần tuyển, đạt loại khá trở lên (tính theo điểm thi lần thứ nhất); số học phần thi lần thứ nhất không đạt yêu cầu không quá 04 học phần (trong đó không quá 02 học phần chuyên môn); môn dự tuyển và môn học yêu cầu phải đạt loại khá trở lên (thể hiện qua bảng điểm thi lần thứ nhất).

Người có bằng Thạc sĩ tốt nghiệp một trong 500 trường đại học hàng đầu thế giới [không áp dụng đối với các hình thức liên kết đào tạo, đào tạo trực tuyến (e-learning), đào tạo từ xa (distant learning)] tính tại thời điểm nộp hồ sơ thi tuyển viên chức theo xếp hạng của QS World University Rankings (<http://www.topuniversities.com>) hoặc The World

University Rankings (<http://www.timeshighereducation.co.uk>) thì được xét ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi theo bằng Thạc sĩ (nếu khác với ngành/chuyên ngành của bằng tốt nghiệp đại học).

b) Có ít nhất 02 năm học bậc phổ thông trung học (PTTH) tại các trường công lập đạt loại khá trở lên, không lưu ban; hoặc có điểm thi đại học lần đầu đạt từ 20 điểm trở lên; hoặc tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên và có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh TOEFL Quốc tế từ 450 điểm trở lên hoặc tương đương; hoặc tốt nghiệp đại học thủ khoa.

Người có bằng Thạc sĩ tốt nghiệp một trong 200 trường đại học hàng đầu thế giới [không áp dụng đối với các hình thức liên kết đào tạo, đào tạo trực tuyến (e-learning), đào tạo từ xa (distant learning)] tính tại thời điểm nộp hồ sơ thi tuyển viên chức theo xếp hạng nói trên, có ngành/chuyên ngành phù hợp, có số môn học đạt loại khá trở lên chiếm ít nhất 50% trong tổng số môn học, chỉ yêu cầu có bằng đại học hệ chính quy (không áp dụng đối với các hình thức đào tạo liên thông) tại các trường đại học công lập và có ít nhất 01 năm học bậc PTTH đạt loại khá trở lên.

Riêng đối với các ngành mang tính đặc thù có thể được xem xét thêm trên cơ sở đề xuất của đơn vị trước khi thông báo tuyển dụng.

c) Về hình thức: không nói ngọng, không nói lắp, không có dị tật, thể hình cân đối.

d) Người dự tuyển lần sau phải thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Có bằng cấp cao hơn lần thi trước;
- Hoặc có đủ điều kiện được miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh) (không áp dụng đối với người dự thi vào làm giảng viên ngoại ngữ) và kết quả các môn thi lần trước đạt từ 50 điểm trở lên;
- Hoặc có kết quả của các môn thi lần trước đạt từ 70 điểm trở lên;
- Hoặc có điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ lần thi trước đạt từ 85 điểm trở lên.

10. Ngoài các quy định từ Khoản 1 đến Khoản 8 và Mục c) Khoản 9 của Điều này thì người đăng ký dự tuyển chức danh giảng viên có bằng tiến sĩ:

a) Được xét ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi theo bằng Tiến sĩ (nếu khác với các văn bằng trước đó).

b) Chỉ yêu cầu có bằng đại học hệ chính quy hoặc tốt nghiệp Tiến sĩ một trong 200 trường đại học hàng đầu thế giới [không áp dụng đối với các hình thức liên kết đào tạo, đào tạo trực tuyến (e-learning), đào tạo từ xa (distant learning)] tính tại thời điểm nộp hồ sơ thi tuyển viên chức.

Điều 2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển viên chức

1. Đơn đăng ký dự tuyển viên chức;

2. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

3. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả quá trình học tập, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt;

4. Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận;

5. Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực;

6. 02 phong bì (có đánh tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của người nhận) và 02 ảnh cỡ 4 x 6;

7. Bản sao học bạ phổ thông trung học.

Điều 3. Hội đồng Tuyển dụng viên chức

1. Nguyên tắc: Giám đốc quyết định thành lập Hội đồng Tuyển dụng viên chức (sau đây gọi là Hội đồng) theo mỗi đợt tuyển dụng. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, kết luận theo đa số. Người có vợ, chồng, con (kể cả con dâu, con rể và con nuôi được pháp luật công nhận), anh, chị em ruột, anh chị em dâu, anh chị em rể tham gia dự tuyển không được tham gia Hội đồng và các Ban giúp việc.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Thành lập các ban giúp việc gồm: Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban phúc khảo, Ban kiểm tra, sát hạch. Nhiệm vụ của các Ban giúp việc theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng;

b) Thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng;

c) Tiếp nhận và xét hồ sơ dự tuyển, tổ chức sơ tuyển, công bố danh sách những người đủ điều kiện và tiêu chuẩn dự tuyển;

d) Tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng theo đúng quy định;

e) Tổ chức thi và chấm thi hoặc kiểm tra, sát hạch;

f) Giải quyết khiếu nại, tố cáo của người dự tuyển trong quá trình tổ chức thi tuyển theo đúng quy định.

3. Thành phần Hội đồng Tuyển dụng viên chức của Học viện: Hội đồng có từ 05 thành viên trở lên và là một số lẻ, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Học viện hoặc Phó Giám đốc Học viện;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng Ban Tổ chức cán bộ hoặc Phó trưởng Ban Tổ chức cán bộ;

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là chuyên viên phụ trách tuyển dụng của Ban Tổ chức cán bộ;

d) Các ủy viên Hội đồng gồm: Các Phó Giám đốc Học viện, Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Công đoàn Học viện, đại diện lãnh đạo một số đơn vị.

4. Chủ tịch Hội đồng thành lập các tiểu ban thi môn chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành:

+ Đối với chức danh Giảng viên:

- Trưởng tiểu ban: Giám đốc Học viện hoặc Phó Giám đốc Học viện
- Phó trưởng tiểu ban: Trưởng hoặc Phó trưởng khoa chuyên môn
- Ủy viên: Thành viên Hội đồng Tuyển dụng Học viện
- Ủy viên: Trưởng hoặc Phó trưởng Bộ môn có ứng viên dự thi
- Ủy viên: Giảng viên có cùng chuyên môn với chỉ tiêu được tuyển.
- Thư ký giúp việc là viên chức của Ban Tổ chức cán bộ hoặc trợ lý tổ chức khoa có nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu có liên quan theo quy định của Hội đồng.

+ Đối với chức danh chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương:

- Trưởng tiểu ban: Giám đốc Học viện hoặc Phó Giám đốc Học viện
- Phó trưởng tiểu ban: Trưởng hoặc Phó trưởng đơn vị
- Ủy viên: Thành viên Hội đồng Tuyển dụng Học viện
- Ủy viên: Viên chức trong đơn vị hoặc trong Học viện được Chủ tịch Hội đồng mời tham gia
- Thư ký giúp việc là viên chức của Ban Tổ chức cán bộ có nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu có liên quan theo quy định của Hội đồng.

Điều 4. Nội dung và hình thức thi

Người dự thi tuyển viên chức phải thực hiện các môn thi sau: Kiến thức chung; Chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành; Tin học và Ngoại ngữ. Cụ thể:

1. Chức danh giảng viên:

a) Môn thi ngoại ngữ: thi một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trình độ B (thời gian thi không quá 120 phút). Người dự thi vào làm giảng viên ngoại ngữ phải thi ngoại ngữ thứ 2.

Hình thức thi: Thi viết hoặc thi trắc nghiệm.

b) Môn thi tin học văn phòng (thời gian thi không quá 45 phút).

Hình thức thi: Thi thực hành trên máy hoặc thi trắc nghiệm.

c) Môn thi kiến thức chung: Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật viên chức; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành và các quy định của Học viện (thời gian thi không quá 120 phút).

Hình thức thi: Thi viết hoặc thi trắc nghiệm.

d) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ: Người dự thi soạn 15 tiết, sau đó giảng 1 tiết chọn ngẫu nhiên trong 15 tiết đã chuẩn bị. Thời gian thi tối đa 50 phút/người dự thi (bao gồm thời gian giảng bài và trả lời trực tiếp các câu hỏi của Hội đồng).

2. Chức danh Chuyên viên và tương đương:

a) Môn thi ngoại ngữ: thi một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trình độ B (thời gian thi không quá 120 phút).

Hình thức thi: Thi viết hoặc thi trắc nghiệm.

b) Môn thi tin học văn phòng (thời gian thi không quá 45 phút).

Hình thức thi: Thi thực hành trên máy hoặc thi trắc nghiệm.

c) Môn thi kiến thức chung: Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật viên chức; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành và các quy định của Học viện (thời gian thi không quá 120 phút).

Hình thức thi: Thi viết hoặc thi trắc nghiệm.

d) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ: phỏng vấn trực tiếp và thực hành.

3. Chức danh Cán sự và tương đương:

a) Môn thi ngoại ngữ: thi một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trình độ A (thời gian thi không quá 120 phút).

Hình thức thi: Thi viết hoặc thi trắc nghiệm.

b) Môn thi tin học văn phòng (thời gian thi không quá 45 phút).

Hình thức thi: Thi thực hành trên máy hoặc thi trắc nghiệm.

c) Môn thi kiến thức chung: Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật viên chức; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành và các quy định của Học viện (thời gian thi không quá 120 phút).

Hình thức thi: Thi viết hoặc thi trắc nghiệm.

d) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ: phỏng vấn trực tiếp và thực hành.

Điều 5. Điều kiện miễn một số môn

1. Miễn thi môn ngoại ngữ trong trường hợp môn chuyên môn, nghiệp vụ không phải là ngoại ngữ nếu có một trong các điều kiện sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học/sau đại học về ngoại ngữ một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học/sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam mà ngôn ngữ chính để giảng dạy trong chương trình đào tạo bằng một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

c) Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL Quốc tế từ 450 điểm trở lên hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm tính đến thời gian nộp hồ sơ thi tuyển.

2. Miễn thi môn tin học văn phòng trong trường hợp người có bằng tốt nghiệp từ trung cấp ngành/chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

Điều 6. Cách tính điểm

1. Bài thi được chấm theo thang điểm 100.

2. Điểm các bài thi được tính như sau:

a) Môn thi tin học văn phòng và môn thi ngoại ngữ là hai môn xét điều kiện.

b) Môn thi kiến thức chung: Tính hệ số 1.

Điểm mỗi bài thi của các môn thi: tin học văn phòng, ngoại ngữ và kiến thức chung được 02 thành viên chấm thi độc lập; nếu điểm của 02 thành viên chấm chênh lệch nhau từ 10 điểm trở xuống thì lấy điểm bình quân; nếu chênh lệch trên 10 điểm thì bài thi đó được chấm lại bởi 02 thành viên chấm thi khác, nếu vẫn chênh lệch trên 10 điểm thì chuyển 02 kết quả lên Trưởng ban chấm thi để báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định.

c) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ: Tính hệ số 2. Cụ thể:

c1) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh giảng viên, ứng viên trình bày trực tiếp, viết lên bảng bằng phấn và được dùng các thiết bị hỗ trợ như: Overhead, Projector...

- Bộ môn có trách nhiệm hướng dẫn người dự thi soạn bài giảng với nội dung của 1 đơn vị học trình (15 tiết).

- Khoa có trách nhiệm chuẩn bị địa điểm thi, bảng, phấn và các thiết bị hỗ trợ nêu trên để tạo điều kiện thuận lợi cho các ứng viên dự thi.

- Người dự thi bốc thăm (do Ban Tổ chức cán bộ chuẩn bị) chọn 1 trong 15 tiết đã được chuẩn bị theo hướng dẫn của bộ môn để thi. Bài giảng của người dự thi phải in sao và gửi cho mỗi thành viên trong hội đồng 01 bản trước khi thi.

- Điểm thi chuyên môn, nghiệp vụ của mỗi người dự thi được xác định là điểm trung bình của các thành viên trong tiểu ban. Nếu có điểm chênh lệch trên 10 điểm so với điểm trung bình của các thành viên trong tiểu ban thì điểm đó bị loại và tính lại điểm trung bình.

Cách cho điểm:

+ Nội dung chuyên môn, nghiệp vụ:	20 điểm
+ Phương pháp trình bày:	30 điểm
+ Xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của Hội đồng:	40 điểm
+ Hình thức ứng viên:	10 điểm

Để đánh giá năng lực đối với người dự thi, thành viên trong tiểu ban có thể đặt câu hỏi về các vấn đề liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ (không hạn chế trong nội dung của bài giảng).

c2) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ đối với các chức danh khác

Nội dung thi vấn đáp gồm: khả năng nắm bắt vấn đề quản lý, hiểu biết tri thức xã hội, cách xử lý tình huống khi tiếp xúc với đối tượng quản lý. Vì vậy, thi vấn đáp sẽ tập

trung vào một số vấn đề chủ yếu: Những hiểu biết về tiêu chuẩn nghiệp vụ của chức danh dự thi; Những hiểu biết về Học viện, đơn vị, vị trí công việc và chuyên môn; Đề xuất những giải pháp để quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc; Nguyên vọng và hướng phấn đấu khi được tuyển dụng.

- Đơn vị tuyển dụng có nhiệm vụ hướng dẫn người dự thi chuẩn bị những nội dung nêu trên và soạn ít nhất 05 đề thi (nếu có nhiều người dự thi thì số đề tương đương với số người dự thi), chuyển về Ban Tổ chức cán bộ muộn nhất 03 ngày trước ngày thi. Đơn vị có trách nhiệm chuẩn bị địa điểm thi và các điều kiện cần thiết khác để tạo điều kiện thuận lợi cho người dự thi.

- Người dự thi bốc thăm chọn 1 trong số các đề thi (do Ban Tổ chức cán bộ chuẩn bị) và trình bày tối đa trong 40 phút/người dự thi (bao gồm thời gian chuẩn bị thi và trả lời trực tiếp các câu hỏi của Hội đồng).

- Điểm thi chuyên môn, nghiệp vụ của mỗi người dự thi được xác định là điểm trung bình của các thành viên trong tiểu ban. Nếu có điểm chênh lệch trên 10 điểm so với điểm trung bình của các thành viên tiểu ban thì điểm đó bị loại và tính lại điểm trung bình.

Cách cho điểm:

- | | |
|--|---------|
| + Tiêu chuẩn nghiệp vụ của chức danh dự thi: | 20 điểm |
| + Những hiểu biết về Trường, đơn vị, vị trí công việc và chuyên môn: | 30 điểm |
| + Xử lý tình huống, ứng xử: | 40 điểm |
| + Hình thức ứng viên: | 10 điểm |

3. Kết quả thi là tổng số điểm của bài thi môn kiến thức chung và bài thi môn chuyên môn, nghiệp vụ.

Lưu ý: Người dự thi khi đi thi phải mặc trang phục gọn gàng, lịch sự.

Điều 7. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức phải tham dự đủ các môn thi, mỗi môn thi phải đạt từ 50 điểm trở lên và được xác định theo nguyên tắc: Người trúng tuyển có kết quả thi cao hơn (tính tổng điểm của hai môn: kiến thức chung và chuyên môn, nghiệp vụ), lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí đơn vị hoặc tiểu ban và điểm môn chuyên môn, nghiệp vụ phải đạt theo yêu cầu đã thông báo (áp dụng cho chức danh giảng viên).

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có tổng số điểm các bài thi chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn là người trúng tuyển; nếu tổng số điểm các bài thi chuyên môn, nghiệp vụ bằng nhau thì Hội đồng Tuyển dụng quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau:

- a) Anh hùng lực lượng vũ trang/Anh hùng lao động;
- b) Thương binh;

- c) Người hưởng chính sách như thương binh;
- d) Con liệt sĩ;
- đ) Con thương binh;
- e) Con của người hưởng chính sách như thương binh;
- g) Người dân tộc ít người;
- h) Đội viên thanh niên xung phong;
- i) Đội viên tri thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ;
- k) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự;
- l) Người dự tuyển là nữ;
- m) Các ưu tiên khác theo từng vị trí tuyển dụng (nếu có).

3. Trường hợp vẫn không xác định được người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 2 Điều này thì Giám đốc Học viện trực tiếp phỏng vấn và quyết định người trúng tuyển.

4. Không thực hiện việc bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

Điều 8. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận hồ sơ dự tuyển

1. Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của Học viện/Ban Tổ chức cán bộ và niêm yết công khai tại Ban Tổ chức cán bộ về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng cần tuyển, nội dung hồ sơ đăng ký dự tuyển, thời hạn và địa điểm tiếp nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển.

2. Thời hạn nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển ít nhất là 20 ngày làm việc kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

3. Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày tổ chức thi tuyển, Hội đồng Tuyển dụng lập danh sách người đủ điều kiện dự tuyển để niêm yết công khai tại Ban Tổ chức cán bộ và trên trang điện tử của Học viện/Ban Tổ chức cán bộ.

4. Trong trường hợp chưa có đợt tuyển dụng viên chức, đối với những bộ môn có số giờ đứng lớp bình quân từ 500 tiết/giảng viên/năm trở lên hoặc những vị trí việc làm mà Học viện đang rất cần thì được Giám đốc Học viện xem xét ký hợp đồng lao động chờ thi tuyển trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức cán bộ.

Điều 9. Tổ chức tuyển dụng viên chức

1. Giám đốc Học viện thành lập Hội đồng Tuyển dụng để thực hiện việc thi tuyển.

2. Chủ tịch Hội đồng Tuyển dụng thành lập và phân công nhiệm vụ cụ thể cho bộ phận giúp việc thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 3 Quy định này.

3. Chậm nhất trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc tổ chức thi tuyển, Hội đồng Tuyển dụng phải hoàn thành việc tổ chức chấm thi, tổng hợp kết quả thi và báo cáo với Giám đốc Học viện.

Điều 10. Thông báo kết quả tuyển dụng

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thi tuyển của Hội đồng Tuyển dụng, Giám đốc Học viện thông báo niêm yết công khai kết quả thi tuyển tại bảng tin của Ban Tổ chức cán bộ và trên trang thông tin điện tử của Học viện/Ban Tổ chức cán bộ.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết công khai kết quả thi tuyển, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi tuyển trừ môn chuyên môn, nghiệp vụ. Giám đốc Học viện giao cho Hội đồng Tuyển dụng tổ chức chấm phúc khảo trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định.

3. Sau khi thực hiện các quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, Giám đốc Học viện báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả tuyển dụng hoặc quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng. Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng, Học viện gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển, thông báo công khai trên trang tin điện tử của Học viện/Ban Tổ chức cán bộ và niêm yết công khai tại bảng tin của Ban Tổ chức cán bộ. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời gian và địa điểm người trúng tuyển đến ký hợp đồng làm việc.

4. Người trúng tuyển vào viên chức phải đến ký hợp đồng làm việc và nhận nhiệm vụ trong thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 13 của Quy định này.

Điều 11. Xét tuyển đặc cách

1. Căn cứ điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức được quy định tại Điều 1 của Quy định này và nhu cầu vị trí việc làm của từng đơn vị trong Học viện, Giám đốc Học viện xét tuyển đặc cách không theo trình tự, thủ tục tuyển dụng viên chức đối với các trường hợp sau:

a) Người có bằng tiến sĩ tốt nghiệp ở trong nước và nước ngoài, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm chức danh giảng viên cần tuyển dụng, đáp ứng được điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức quy định tại Điều 1 của Quy định này và các điều kiện, tiêu chuẩn khác ở từng vị trí chức danh giảng viên cần tuyển dụng (nếu có); trong thời gian công tác (nếu có) 05 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ thi tuyển không vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Người có bằng Thạc sĩ trở lên có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm, đáp ứng được điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức quy định tại Điều 1 của Quy định này và các điều kiện, tiêu chuẩn khác ở từng vị trí chức danh tuyển dụng (nếu có); trong 10 năm gần đây (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) là tác giả chính của ít nhất 03 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế (International Peer-Reviewed Journals) theo ISI (Institute for Scientific Information) hay SCI (Science Citation Index - mức lựa chọn trong ISI); tạp chí khoa học quốc tế khác có Impact factor từ 1 trở lên; tạp chí khoa học của 100 trường đại học hàng đầu thế giới (theo

xếp hạng của QS World University Rankings (<http://www.topuniversities.com>) hoặc The World University Rankings (<http://www.timeshighereducation.co.uk>); trong thời gian công tác (nếu có) 05 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ thi tuyển không vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

c) Người có kinh nghiệm hiện đang công tác trong ngành hoặc trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp cần tuyển; có thời gian liên tục đủ 36 tháng trở lên (tính đến thời điểm nộp hồ sơ thi tuyển) thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ có yêu cầu về trình độ, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển (không kể thời gian tập sự, thử việc), đáp ứng được điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức quy định tại Điều 1 của Quy định này và các điều kiện, tiêu chuẩn khác ở từng vị trí chức danh cần tuyển dụng (nếu có); đáp ứng được ngay yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng; trong thời gian công tác 05 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ thi tuyển không vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trường hợp số lượng hồ sơ đủ điều kiện xét tuyển đặc cách của vị trí việc làm lớn hơn số lượng cần tuyển dụng, Hội đồng sẽ xét đồng thời các yếu tố về trường đào tạo, điểm trung bình chung học tập toàn khóa, điểm các môn chuyên ngành/chuyên môn và theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Quy định này.

2. Hội đồng kiểm tra, sát hạch xét tuyển đặc cách gồm có từ 05 đến 07 thành viên.

a) Chủ tịch Hội đồng: là Giám đốc Học viện hoặc Phó Giám đốc Học viện.

b) Một ủy viên là Trưởng hoặc Phó Ban Tổ chức cán bộ.

c) Một ủy viên là Trưởng hoặc Phó đơn vị.

d) Các ủy viên còn lại là những người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến vị trí tuyển dụng do Giám đốc Học viện quyết định.

Thư ký giúp việc là viên chức của Ban Tổ chức cán bộ hoặc Trợ lý tổ chức của đơn vị có nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu có liên quan theo quy định của Hội đồng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch

a) Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm cần tuyển và các yêu cầu mang tính đặc thù của Học viện.

b) Sát hạch thông qua phỏng vấn hoặc thực hành về trình độ hiểu biết chung, về trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của người được xét tuyển đặc cách. Hình thức và nội dung sát hạch do Hội đồng kiểm tra, sát hạch căn cứ vào yêu cầu của vị trí việc làm chức danh cần tuyển, báo cáo Giám đốc xem xét, quyết định trước khi tổ chức sát hạch.

c) Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

4. Hồ sơ, thủ tục đối với việc xét tuyển đặc cách

a) Đơn đăng ký dự tuyển viên chức;

b) Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả quá trình học tập, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt;

d) Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan ý tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận;

e) Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị xét tuyển đặc cách về phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác và các hình thức khen thưởng (nếu có).

5. Công nhận kết quả xét tuyển đặc cách

Giám đốc Học viện có văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận kết quả xét tuyển đặc cách hoặc quyết định công nhận kết quả xét tuyển đặc cách.

Điều 12. Thay đổi chức danh nghề nghiệp sang chức danh giảng viên

1. Đối tượng là viên chức của Học viện đã được tuyển dụng, đang công tác tại các đơn vị trong Học viện, đang giữ chức danh nghề nghiệp không phải là chức danh giảng viên.

2. Điều kiện dự thi

a) Trong thời gian công tác 3 năm gần nhất tính đến thời điểm dự thi được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành nhiệm vụ được giao.

b) Đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh giảng viên được quy định tại Điều 1 của Quy định này.

c) Được sự đồng ý của đơn vị và Giám đốc Học viện cho dự thi.

d) Có bản cam kết dự thi.

3. Hồ sơ dự thi theo quy định tại Điều 2 của Quy định này

4. Môn thi và miễn thi được thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quy định này.

5. Cách xác định viên chức trúng tuyển được thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Quy định này và được tính trong chỉ tiêu tuyển dụng của đơn vị. Nếu viên chức không trúng tuyển (không đạt) thì Học viện sẽ chấm dứt hợp đồng làm việc.

6. Viên chức trúng tuyển phải trải qua thời gian tập sự về chuyên môn trong thời gian 12 tháng theo quy định tại Điều 15 của Quy định này. Tiền lương và các khoản phụ cấp khác được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 13. Hợp đồng làm việc

Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện theo chế độ hợp đồng làm việc, bao gồm hợp đồng làm việc xác định thời hạn và hợp đồng làm việc không xác định thời hạn. Thời gian thực hiện chế độ tập sự được quy định trong hợp đồng làm việc xác định thời hạn.

Điều 14. Ký kết hợp đồng làm việc và nhận việc

1. Trong thời hạn chậm nhất là 20 ngày làm việc, kể từ ngày công bố kết quả tuyển dụng, người trúng tuyển phải đến ký hợp đồng làm việc với Học viện theo thông báo tại Khoản 3 Điều 10 Quy định này.

Người trúng tuyển phải hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Học viện (đối với người trúng tuyển tốt nghiệp đại học và sau đại học ở nước ngoài, đề nghị liên hệ với Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo để làm thủ tục xác nhận văn bằng) và cam kết tự nguyện làm việc lâu dài tại Học viện ít nhất 05 năm (không kể thời gian đào tạo); Nếu tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng, chuyển công tác khỏi Học viện phải bồi hoàn kinh phí đào tạo và các khoản khác theo quy định hiện hành.

2. Trong thời hạn chậm nhất là 20 ngày làm việc, kể từ ngày hợp đồng làm việc được ký kết, người trúng tuyển phải đến nhận việc, trừ trường hợp hợp đồng làm việc quy định thời hạn khác. Trường hợp người trúng tuyển có lý do chính đáng mà không thể đến nhận việc thì phải làm đơn xin gia hạn trước khi kết thúc thời hạn nêu trên gửi Học viện.

3. Trường hợp người trúng tuyển không đến ký hợp đồng làm việc trong thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều này hoặc đến nhận việc sau thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều này thì Học viện hủy bỏ kết quả trúng tuyển hoặc chấm dứt hợp đồng đã ký kết.

Điều 15. Chế độ tập sự

1. Người trúng tuyển viên chức phải thực hiện chế độ tập sự để làm quen với môi trường công tác, tập làm những công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng.

2. Thời gian tập sự đối với viên chức loại A là 12 tháng, viên chức loại B là 6 tháng và viên chức loại C là 3 tháng.

3. Thời gian nghỉ sinh con theo chế độ bảo hiểm xã hội và thời gian ốm đau từ 03 ngày trở lên, thời gian bị tạm giam, tạm giữ, tạm đình chỉ công tác theo quy định của pháp luật không được tính vào thời gian tập sự.

4. Nội dung tập sự:

a) Nắm vững quy định của Luật viên chức về quyền, nghĩa vụ của viên chức, những việc viên chức không được làm; nắm vững cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác; nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị và chức trách, nhiệm vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng.

b) Trau dồi kiến thức và rèn luyện năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm được tuyển dụng.

b) Tập giải quyết, thực hiện các công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng.

c) Đạt yêu cầu về chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ khác của chức danh được tuyển dụng.

d) Đạt yêu cầu về trình độ Ngoại ngữ, Tin học:

+ Chức danh giảng viên: đạt chứng chỉ tiếng Anh TOEFL ≥ 450 điểm hoặc tương đương và thành thạo tin học.

+ Chức danh chuyên viên và tương đương làm việc tại Ban Hợp tác quốc tế đạt 550 điểm hoặc tương đương và thành thạo tin học văn phòng.

+ Chức danh chuyên viên và tương đương của các đơn vị khác: đạt chứng chỉ tiếng Anh trình độ B và thành thạo tin học văn phòng tương đương trình độ B trở lên.

Điều 16. Trường hợp được miễn thực hiện chế độ tập sự

1. Người trúng tuyển viên chức được miễn thực hiện chế độ tập sự khi có đủ các điều kiện sau:

a) Đã được tuyển dụng vào viên chức/công chức ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp của Đảng và Nhà nước, có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong ngành, lĩnh vực cần tuyển từ đủ 12 tháng trở lên;

b) Trong thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định tại Mục a) Khoản 1 Điều này đã làm những công việc chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm được tuyển dụng; chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần và không bị vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Người được tuyển dụng đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, nếu không có đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này thì phải thực hiện chế độ tập sự.

Điều 17. Hướng dẫn tập sự

1. Đơn vị sử dụng có trách nhiệm hướng dẫn người tập sự nắm vững và tập làm những công việc theo yêu cầu nội dung tập sự theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Quy định này.

2. Chậm nhất sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày viên chức đến nhận việc, đơn vị sử dụng viên chức phải cử viên chức có chức danh nghề nghiệp bằng hoặc cao hơn, có năng lực, kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng truyền đạt để hướng dẫn người tập sự. Không thực hiện việc cử một người hướng dẫn tập sự cho hai người tập sự trở lên trong cùng thời gian.

Điều 18. Chế độ, chính sách đối với người tập sự và người hướng dẫn tập sự

1. Trong thời gian tập sự, người tập sự được hưởng 85% mức lương của chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm tuyển dụng. Trường hợp người tập sự

có trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ và chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm tuyển dụng thì người tập sự có trình độ thạc sĩ được hưởng 85% mức lương bậc 2, người tập sự có trình độ tiến sĩ được hưởng 85% mức lương bậc 3 của chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm tuyển dụng. Các khoản phụ cấp được hưởng theo quy định của pháp luật.

2. Người tập sự được hưởng 100% mức lương và phụ cấp của chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm tuyển dụng trong các trường hợp sau:

a) Làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Làm việc trong các ngành, nghề độc hại, nguy hiểm;

c) Hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.

3. Thời gian tập sự không được tính vào thời gian xét nâng bậc lương.

4. Trong thời gian hướng dẫn tập sự, người hướng dẫn tập sự được hưởng hệ số phụ cấp trách nhiệm bằng 0,3 mức lương cơ sở hiện hành.

5. Người hướng dẫn tập sự và người tập sự còn được hưởng các chế độ tiền thưởng và phúc lợi khác (nếu có) theo quy định của Nhà nước và quy định của Học viện.

Điều 19. Trình tự, thủ tục xét hết thời gian tập sự

1. Hết thời gian tập sự, người tập sự phải làm báo cáo tự đánh giá chi tiết kết quả thực hiện công tác trong thời gian tập sự. Người hướng dẫn tập sự lập báo cáo đánh giá chi tiết kết quả thực hiện các mặt công tác và rèn luyện của người tập sự (Phẩm chất đạo đức; năng lực chuyên môn, kết quả làm việc và học tập; ý thức tổ chức chấp hành kỷ luật, nội quy, quy chế của Học viện; chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tinh thần hợp tác và phối hợp với đồng nghiệp trong công việc).

2. Đơn vị sử dụng hợp đánh giá kết quả và mức độ hoàn thành công tác tập sự và làm văn bản đề nghị Học viện xét công nhận hoặc không công nhận hoàn thành tập sự của người tập sự.

3. Hội đồng Tuyển dụng Học viện xét duyệt và kiến nghị với Giám đốc Học viện quyết định bổ nhiệm vào chức danh được tuyển dụng và ký tiếp hợp đồng làm việc đối với những người hoàn thành yêu cầu tập sự, quyết định chấm dứt tuyển dụng đối với những người không đạt yêu cầu tập sự.

4. Hồ sơ xét hết tập sự:

a) Bản kiểm điểm của cá nhân (theo đề cương tập sự) trong thời gian tập sự (Mẫu 1);

b) Các văn bản, chứng chỉ của chức danh được tuyển dụng và trình độ ngoại ngữ, tin học được quy định tại Khoản 4, Điều 14 Quy định này;

c) Biên bản giảng thử (Mẫu 2) - Dùng cho viên chức tập sự chức danh giảng viên;

d) Bản đánh giá của người hướng dẫn tập sự về các nội dung tập sự đã ghi trong đề cương tập sự (Mẫu 3);

Nếu người tập sự không đạt yêu cầu thì người hướng dẫn tập sự đánh giá, nhận xét bằng văn bản kết quả tập sự của người tập sự, trong đó đánh giá cụ thể từng nội dung theo yêu cầu tập sự của vị trí tuyển dụng, nêu rõ mức độ hoàn thành của người tập sự trong từng nội dung. Nếu nội dung đánh giá nào không đạt thì người hướng dẫn tập sự cần nêu rõ lý do không đạt yêu cầu của người tập sự.

e) Biên bản họp Bộ môn xét hết tập sự (Mẫu 4).

Nếu người hướng dẫn tập sự đánh giá, nhận xét người tập sự không đạt yêu cầu thì lãnh đạo bộ môn có ý kiến bằng văn bản về những nội dung đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn tập sự, đồng thời tiến hành họp lấy ý kiến bằng phiếu kín của toàn thể viên chức của bộ môn. Người tập sự không đạt yêu cầu khi số thành viên có mặt trong cuộc họp nhất trí đánh giá từ 50% trở lên.

f) Biên bản họp xét hết tập sự của đơn vị:

+ Đối với Khoa thành phần gồm Ban Chủ nhiệm khoa, Bí thư chi bộ, Chủ tịch công đoàn Khoa, Trưởng (hoặc Phó) các Bộ môn và Trợ lý tổ chức (Mẫu 4).

+ Đối với các đơn vị khác, thành phần gồm viên chức trong đơn vị (Mẫu 5).

Cuộc họp lấy ý kiến bằng phiếu kín hoặc biểu quyết đối với các trường hợp người hướng dẫn tập sự đánh giá, nhận xét người tập sự không đạt yêu cầu. Người tập sự không đạt yêu cầu khi số thành viên có mặt trong cuộc họp nhất trí đánh giá từ 50% trở lên.

g) Công văn của đơn vị về việc đề nghị xét hết tập sự.

Điều 20. Gia hạn thời gian tập sự

1. Điều kiện gia hạn thời gian tập sự khi người tập sự chưa đạt đủ điều kiện về ngoại ngữ được quy định tại Mục d Khoản 4 Điều 14 của Quy định này

2. Thời gian gia hạn tập sự: Tối đa 06 tháng kể từ ngày người tập sự hết thời gian tập sự.

3. Trường hợp được coi như hoàn thành chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định trong thời gian được gia hạn: người tập sự được Giám đốc Học viện cử đi đào tạo sau đại học tại các nước sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính để giảng dạy.

Điều 21. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp

Người trúng tuyển xét đặc cách, trúng tuyển tại kỳ thi tuyển viên chức của Học viện được xem xét bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp khi có một trong các điều kiện sau:

1. Đã hoàn thành chế độ tập sự và được đánh giá đạt yêu cầu tập sự theo quy định.
2. Được miễn thực hiện chế độ tập sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Quy định này

Điều 22. Xếp lương khi bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp

1. Nguyên tắc xếp lương:

a) Các trường hợp đã hoàn thành chế độ tập sự và đạt yêu cầu được xem xét bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương (mức lương được xếp là 100% mức lương đã hưởng trong thời gian tập sự).

b) Các trường hợp được miễn thực hiện chế độ tập sự, khi bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp được xem xét xếp lương như sau:

- Thời gian công tác đáp ứng đồng thời cả hai điều kiện tại khoản 1 Điều 16 của Quy định này được tính để làm căn cứ xem xét xếp lương theo quy định tại Thông tư số 79/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nếu thời gian thỏa mãn điều kiện này bị ngắt quãng thì được cộng dồn).

- Thời gian công tác không đáp ứng đồng thời cả hai điều kiện tại khoản 1 Điều 16 của Quy định này, không được tính để xem xét miễn tập sự hoặc xếp lương.

- Thời gian công tác đã tính để miễn thực hiện chế độ tập sự, không được tính để xem xét xếp lương hoặc xét nâng bậc lương lần sau.

2. Về xếp lương đối với viên chức:

a) Đối với người chưa có thời gian công tác trước tuyển dụng:

Người chưa có thời gian công tác trước khi trúng tuyển phải thực hiện chế độ tập sự, sau khi hoàn thành chế độ tập sự đạt yêu cầu, được xem xét bổ nhiệm vào chức danh và hưởng 100% mức lương của chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm tuyển dụng.

b) Người tuyển dụng đã có thời gian công tác trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp của Đảng và Nhà nước:

Người tuyển dụng đã có thời gian công tác đóng BHXH bắt buộc trong các cơ quan hành chính sự nghiệp Nhà nước, được xem xét một trong hai trường hợp sau:

- Thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc không đáp ứng điều kiện được miễn thực hiện chế độ tập sự quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Quy định này thì phải thực hiện chế độ tập sự, xem xét bổ nhiệm vào chức danh và xếp lương như các trường hợp chưa có thời gian công tác.

- Thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc đủ điều kiện được xem xét miễn tập sự quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Quy định này, khi bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp được xem xét xếp lương theo nguyên tắc quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 22.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Quang C, tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kế toán tháng 05/2008, tham gia thi tuyển viên chức năm 2013 của Học viện Nông nghiệp

Việt Nam, trúng tuyển vào vị trí Kế toán của Phòng/Ban Tài chính và Kế toán, có thời gian công tác đóng BHXH bắt buộc như sau:

09/2008-08/2010: Trúng tuyển viên chức, Thủ quỹ Trường THCS công lập Y, lương 1,50

09/2010-08/2012: Thủ quỹ Trường THCS công lập Y, lương 1,68

Ông Nguyễn Quang C, tuy đã có thời gian công tác đóng BHXH bắt buộc trong cơ quan sự nghiệp Nhà nước, nhưng công việc trước đây đã làm không phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và yêu cầu của vị trí được tuyển dụng của Phòng/Ban Tài chính và Kế toán. Vì vậy, ông Nguyễn Quang C phải thực hiện chế độ tập sự như các trường hợp mới ra trường chưa có thời gian công tác trước khi tuyển dụng.

Ví dụ 2: Bà Lưu Thị D, tốt nghiệp Đại học Kinh tế, tháng 02/2006, chuyên ngành Quản trị nhân lực, trúng tuyển vào vị trí nghiệp vụ tổ chức cán bộ thuộc Phòng/Ban Tổ chức cán bộ và có quá trình công tác đóng BHXH bắt buộc như sau:

01/2005 - 05/2006: Trúng tuyển viên chức, nhân viên Văn thư, lương 1,86

06/2006 - 05/2009: Chuyên viên phụ trách công tác tổ chức cán bộ, lương bậc 1, hệ số 2,34

06/2009 - 10/2010: Chuyên viên phụ trách công tác tổ chức cán bộ, lương bậc 2, hệ số 2,67

Bà Lưu Thị D có thời gian công tác thỏa mãn điều kiện để miễn tập sự, bổ nhiệm vào chức danh và xếp lương như sau:

01/2005 - 01/2006: chưa tốt nghiệp đại học, không xem xét miễn tập sự hoặc xếp lương.

02/2006 - 05/2006: đã tốt nghiệp đại học theo đúng yêu cầu của vị trí tuyển dụng, nhưng làm việc không đúng trình độ chuyên môn và công việc không tương ứng theo yêu cầu chức danh tuyển dụng nên không tính để xem xét miễn tập sự hoặc xếp lương.

06/2006 - 05/2007: tập sự 12 tháng, lương $2,34 \times 85\%$

06/2007 - 05/2010: xếp bậc 1 chuyên viên, hệ số 2,34

06/2010 - 10/2010: xếp bậc 2 chuyên viên, hệ số 2,67

Bà Lưu Thị D được miễn thực hiện chế độ tập sự, bổ nhiệm vào chức danh chuyên viên, mã số 01.003, xếp lương bậc 2, hệ số 2,67 kể từ ngày được bổ nhiệm vào chức danh.

c) Người tuyển dụng có thời gian công tác trong các doanh nghiệp Nhà nước:

Người tuyển dụng đã có thời gian công tác đóng BHXH bắt buộc trong các doanh nghiệp Nhà nước, việc xem xét miễn thực hiện chế độ tập sự, bổ nhiệm vào chức danh và xếp lương tương tự như các trường hợp trúng tuyển có thời gian công tác trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp của Đảng và Nhà nước.

Ví dụ 1: Ông Trần Văn E, tốt nghiệp Đại học Luật tháng 5/2006, tham gia thi tuyển năm 2013 của Học viện Nông nghiệp Việt Nam và trúng tuyển vào vị trí chuyên viên phụ trách công tác pháp chế, ông Trần Văn E có thời gian công tác đóng BHXH bắt buộc như sau:

08/2006 - 07/2009: Trúng tuyển viên chức, Nhân viên Phòng Kinh doanh thuộc doanh nghiệp Nhà nước, lương bậc 1 viên chức chuyên môn của doanh nghiệp, hệ số 2,34.

08/2009 - 6/2012: Nhân viên Phòng Kinh doanh thuộc doanh nghiệp Nhà nước, lương bậc 2 viên chức chuyên môn của doanh nghiệp, hệ số 2,65.

Ông Trần Văn E, tốt nghiệp Đại học đúng chuyên ngành tuyển dụng, có thời gian công tác đóng BHXH bắt buộc tại doanh nghiệp Nhà nước, được xếp lương theo thang bảng lương của viên chức chuyên môn doanh nghiệp, tuy nhiên công việc đã làm không phù hợp với yêu cầu của vị trí tuyển dụng (vị trí chuyên viên phụ trách công tác pháp chế) nên không được xem xét để miễn tập sự và xếp lương. Vì vậy, ông Trần Văn E phải thực hiện chế độ tập sự như các trường hợp chưa có thời gian công tác trước khi tuyển dụng.

Ví dụ 2: Bà Nguyễn Thị G, tốt nghiệp Học viện Tài chính - Kế toán, chuyên ngành Kế toán, tháng 06/2007, trúng tuyển vào vị trí Kế toán, Phòng/Ban Tài chính và Kế toán, có quá trình công tác đóng BHXH bắt buộc như sau:

03/2008 - 02/2011: Trúng tuyển viên chức, Kế toán Doanh nghiệp Nhà nước, bậc 1, viên chức chuyên môn, lương 2,34

03/2011 - 12/2012: Kế toán Doanh nghiệp Nhà nước, bậc 2, viên chức chuyên môn, lương 2,65

Bà Nguyễn Thị G có thời gian công tác đóng BHXH bắt buộc có trình độ chuyên môn và đã làm những công việc chuyên môn phù hợp với vị trí tuyển dụng kế toán nên được xem xét miễn tập sự, bổ nhiệm vào chức danh và xếp lương như sau:

03/2008 - 02/2009: Tập sự 12 tháng, lương 2,34 x 85%

03/2009 - 02/2012: bậc 1 chuyên viên, hệ số 2,34

03/2012 - 12/2012: bậc 2 chuyên viên, hệ số 2,67

Bà Nguyễn Thị G được miễn thực hiện chế độ tập sự, bổ nhiệm vào chức danh chuyên viên, mã số 01.003, xếp lương bậc 2, hệ số 2,67 kể từ ngày được bổ nhiệm vào chức danh.

d) Người được tuyển dụng đã có thời gian công tác vừa trong các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước vừa có thời gian làm việc tại các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần:

Người tuyển dụng đã có thời gian công tác đóng BHXH bắt buộc vừa trong các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước vừa có thời gian làm việc tại các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, chỉ được xem xét thời gian công tác trong các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước để miễn tập sự và bổ nhiệm vào chức danh và xếp lương theo nguyên tắc quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 22 của Quy định này.

Ví dụ 1: Ông Trần Văn H tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kế toán tháng 06/2007, tham gia thi tuyển viên chức năm 2013 của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, trúng tuyển vào vị trí Kế toán của Phòng/Ban Tài chính và Kế toán, có thời gian công tác đóng BHXH bắt buộc như sau:

09/2007 - 08/2010: Trúng tuyển viên chức, Thủ quỹ thuộc đơn vị sự nghiệp Nhà nước X, lương 1,50

09/2010 - 08/2012: Nhân viên kinh doanh thuộc Doanh nghiệp tư nhân Z, lương 10.000.000 đồng.

Ông Trần Văn H tuy đã có thời gian công tác đóng BHXH bắt buộc trong cơ quan sự nghiệp Nhà nước, nhưng công việc đã làm không phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và yêu cầu của vị trí được tuyển dụng. Thời gian ông H làm việc ở doanh nghiệp tư nhân không xem xét để miễn tập sự và xếp lương. Vì vậy, ông Trần Văn H phải thực hiện chế độ tập sự như các trường hợp chưa có thời gian công tác trước khi tuyển dụng.

Ví dụ 2: Bà Lê Thị K, tốt nghiệp Đại học Kinh tế, tháng 05/2006, chuyên ngành Quản trị nhân lực, trúng tuyển vào vị trí nghiệp vụ tổ chức cán bộ thuộc Phòng/Ban Tổ chức cán bộ và có quá trình công tác đóng BHXH bắt buộc như sau:

08/2006 - 07/2007: Trúng tuyển viên chức, tập sự Chuyên viên tại Phòng/Ban Tổ chức cán bộ, Trường Đại học công lập A, lương bậc 1, hệ số 2,34 x 85%.

08/2007 - 10/2008: Chuyên viên tại Phòng/Ban Tổ chức cán bộ, Trường Đại học công lập A, lương bậc 1, hệ số 2,34.

11/2008 - 12/2012: Nhân viên kinh doanh thuộc Doanh nghiệp tư nhân Z, lương 8.000.000 đồng.

Bà Lê Thị K được xem xét miễn tập sự, bổ nhiệm vào chức danh và xếp lương như sau:

08/2006 - 07/2007: Tập sự 12 tháng, lương bậc 2,34 x 85%.

08/2007 - 10/2008: Bậc 1, chuyên viên, hệ số 2,34.

11/2008 - 12/2012: Thời gian làm việc tại cơ sở tư nhân, không xem xét xếp lương.

Bà Lê Thị K được miễn thực hiện chế độ tập sự, bổ nhiệm vào chức danh chuyên viên, mã số 01.003, xếp lương bậc 1, hệ số 2,34 kể từ ngày được bổ nhiệm vào chức danh.

d) Trường hợp người được tuyển dụng đã có thời gian công tác tại các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần:

Đối với các trường hợp đã có thời gian công tác trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần không được xem xét miễn thực hiện chế độ tập sự và xếp lương. Vì vậy, các trường hợp này thực hiện chế độ tập sự như các trường hợp chưa có thời gian công tác trước khi tuyển dụng.

Điều 22. Chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự

1. Chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự trong các trường hợp sau:

a) Người tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự;

b) Người tập sự bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

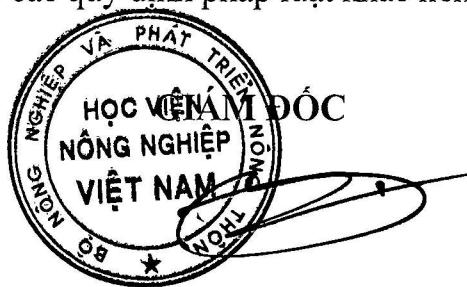
2. Giám đốc Học viện ra quyết định bằng văn bản chấm dứt hợp đồng làm việc đối với các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này.

3. Người tập sự bị chấm dứt hợp đồng làm việc nếu có thời gian làm việc từ 06 tháng trở lên thì được Học viện trợ cấp 01 tháng lương và phụ cấp (nếu có) đang được hưởng và tiền tàu, xe về nơi cư trú.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Quy định này được áp dụng thống nhất về việc tuyển dụng viên chức của Học viện và có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành.

2. Những nội dung khác có liên quan đến việc tuyển dụng viên chức không được nêu tại Quy định này thì áp dụng theo các quy định pháp luật khác liên quan./.



Trần Đức Viên